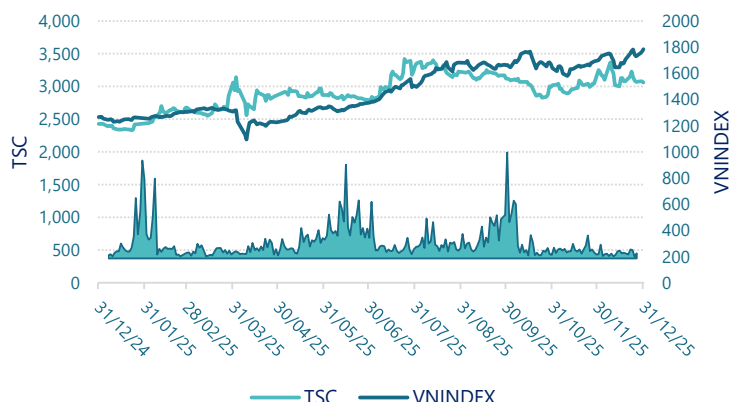


CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (HSX: TSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,060
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,420
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,330
SL cổ phiếu LH	196,858,925
KLGD BQ 20 phiên (CP)	963,920
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	602
P/E	-29.5
EPS	-104

DT thuần

Q4/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▼44.0 | -21.8%

YoY: ▼12.0 | -7.0%

LN sau thuế

Q4/25

-37.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.3 | -396%

YoY: ▼49.4 | -419%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.4%

+/- YoY: ▼ 4.7%

DT thuần

2025

747

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 120 | 19.1%

LN sau thuế

2025

-4.21

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.2 | -114%

ROE

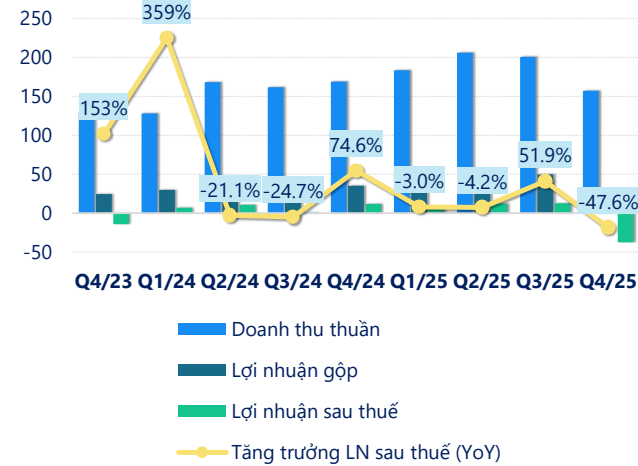
2025

-0.8%

+/- YoY: ▼ 0.9%

tỷ VNĐ

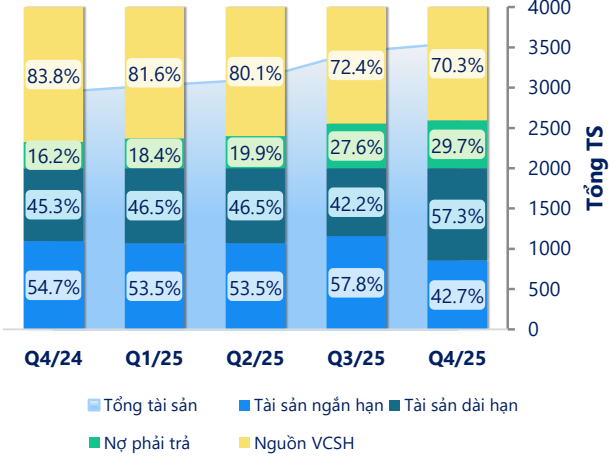
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

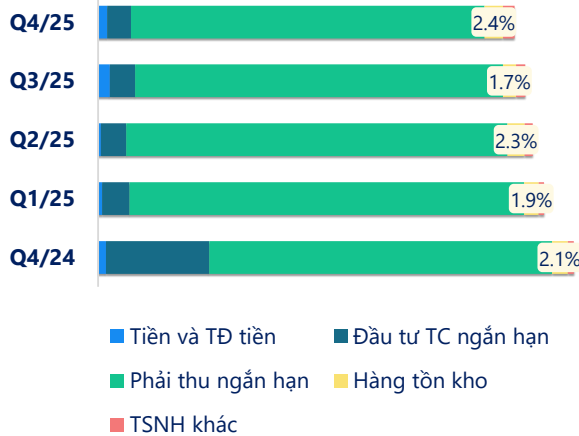
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



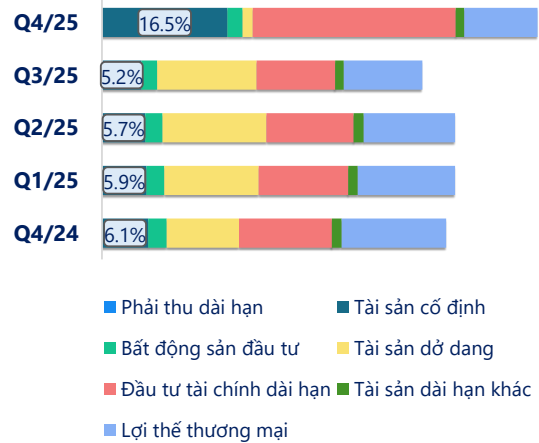
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

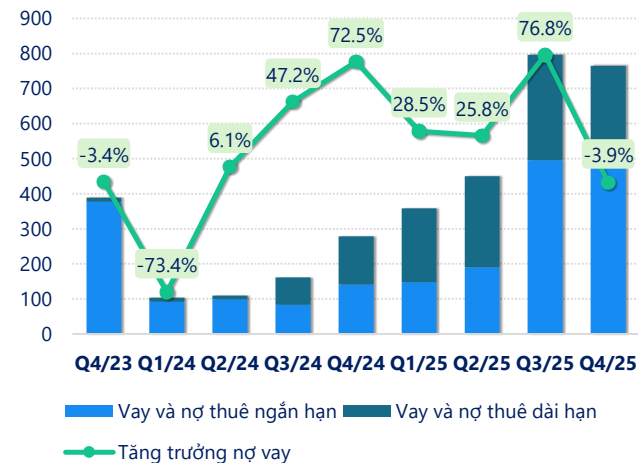
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

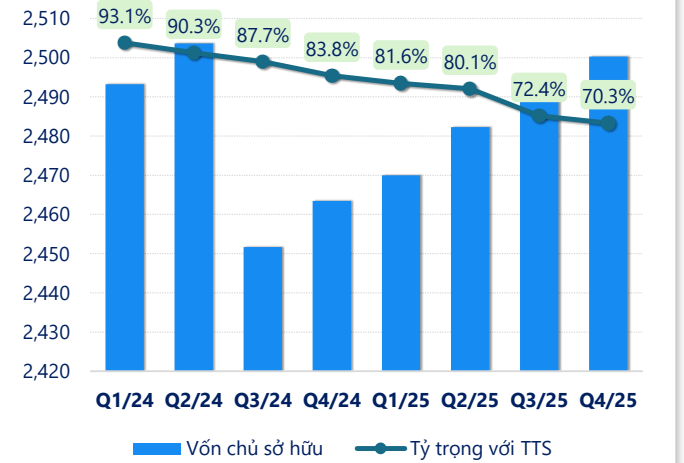
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

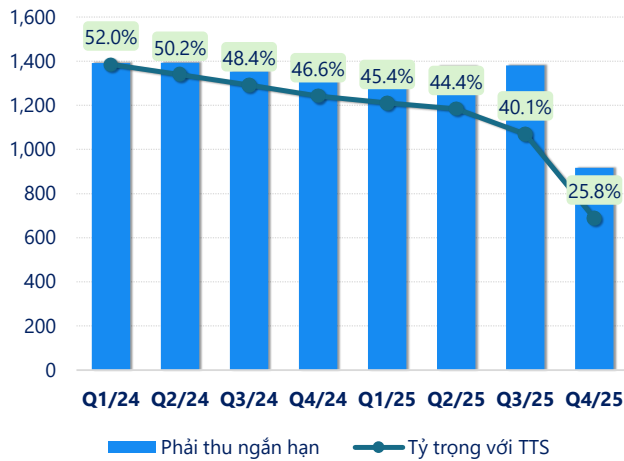
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


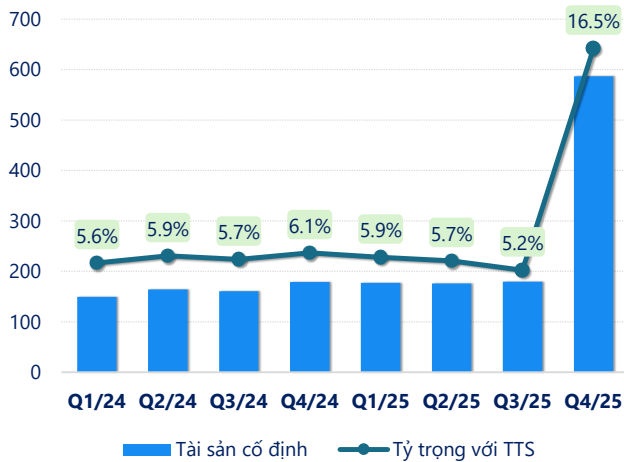
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

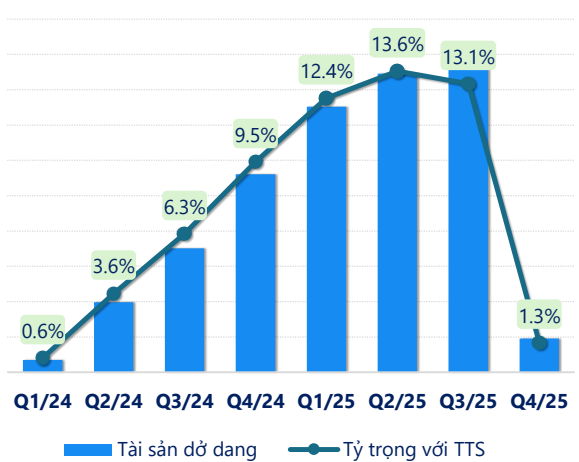

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

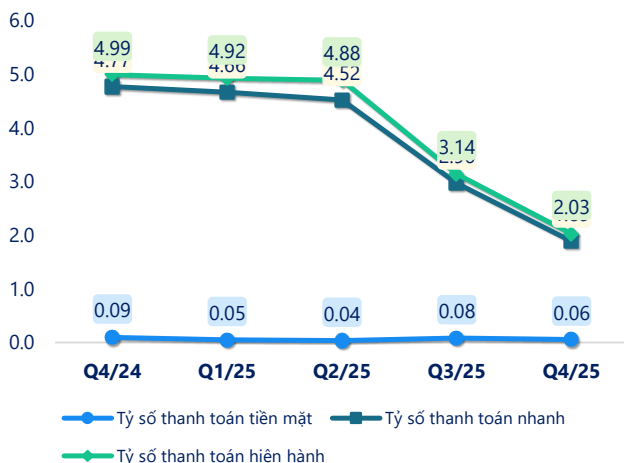
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

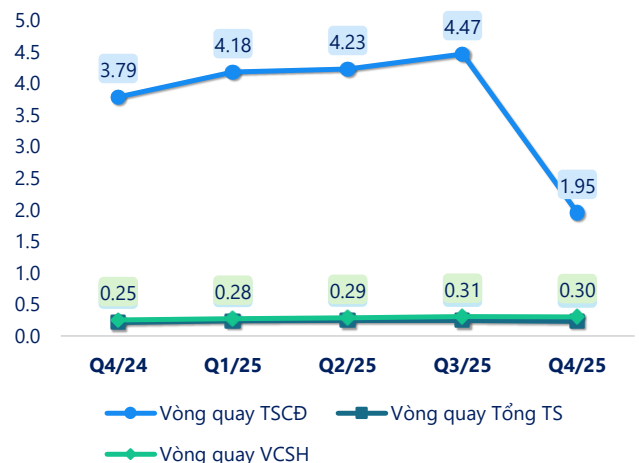
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,940	3,027	3,099	3,446	3,555
Tài sản ngắn hạn	1,608	1,620	1,659	1,992	1,517
Tiền và tương đương tiền	30.6	16.3	12.0	52.8	42.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.9	90.3	90.0	388	390
Phải thu ngắn hạn	1,369	1,375	1,376	1,381	917
Hàng tồn kho	71.2	85.2	124	111	105
Tài sản ngắn hạn khác	44.7	53.0	56.8	59.2	62.9
Tài sản dài hạn	1,333	1,407	1,440	1,454	2,038
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.36	0.36	0.01
Tài sản cố định	179	177	176	179	587
Bất động sản đầu tư	71.3	71.3	71.3	71.3	71.3
Tài sản dở dang	280	376	423	451	47.9
Đầu tư tài chính dài hạn	360	358	357	356	950
Tài sản dài hạn khác	37.9	36.8	40.4	39.7	40.6
Lợi thế thương mại	404	388	373	357	342
Nợ phải trả	477	557	617	951	1,054
Nợ ngắn hạn	322	329	340	635	749
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	147	190	495	476
Phải trả người bán ngắn hạn	45.6	60.5	61.6	52.5	55.0
Nợ dài hạn	154	228	277	317	305
Vay và nợ thuê dài hạn	137	210	260	301	289
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,463	2,470	2,482	2,495	2,500
Vốn chủ sở hữu	2,463	2,470	2,482	2,495	2,500
Vốn điều lệ	1,969	1,969	1,969	1,969	1,969
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)